

# Còn Góc, Mất Góc

Hoàng Hải Thủy

## ***Đêm cuối năm riêng một ngọn đèn.***

Rừng Phong, Virginia Xứ Tình Nhân, Kỳ Hoa Đất Trích, phòng ấm, đèn vàng, yên tĩnh, an ninh không phải một chăm phần chăm mà năm chăm phần chăm, ngoài trời đông lạnh, tuyết rơi, nằm tình tang đọc sách.. Chẳng phải là khoái lạc ru?

Mèn ơi.. Khoái lạc lắm chứ. Trong ba mươi mấy cái thống khoái của Kim Thánh Thán – có cả cái thống khoái gãi ghè Tàu – không có cái thống khoái đọc sách. Dở! Dốt nát nhưng được cái biết mình dốt, chịu khó nhặt nhạnh, chằm mút chút hiểu biết rơi vãi của những vị học rộng, biết nhiều, nên chăm đọc sách, khi đọc sách gặp những trang viết hay hay chút thôi đã sung sướng rồi, đọc sách mà gặp những bài viết hay thật hay, hay cực kỳ, của những nhân vật văn học nổi tiếng, được người đời kính trọng, suy tôn, ca tụng, cường độ khoái lạc tăng lên gấp mấy chục thành.

Vì vậy, đêm cuối năm, văn huê là “năm cùng, tháng tận”, Tết đến, Xuân về, sàu nhớ quê hương – Biết rồi! Khỉ lắm. Nói mãi – khi vớ được tờ báo từ Cali gửi lên, thấy bài “Văn Minh Tiểu Phẩm”, tham luận của Thượng Tọa Tuệ Sỹ, từ trong nước gửi ra, đọc tại Đại Hội Văn Hóa Phật Giáo Việt Nam Ngày 4 Tháng Giêng 2003 ở thành phố San Diego, California, Hoa Kỳ, bèn mừng húm: người viết này, bài viết này thì nhất định phải là hay rồi! Bèn hí hửng nằm đọc.

Nhiều người nghe danh Thầy Tuệ Sỹ, nhưng không phải ai cũng biết tiểu sử của Thầy. Để bồi lấp chỗ trống đó mời quý bạn đọc:

## ***Tiểu sử Tuệ Sỹ.*** Viet Tide Số 78, ngày 10 – 01-2003. Nguyên văn:

Sinh năm 1941, với thế danh Phạm văn Thương, thầy Tuệ Sỹ xuất gia từ thờ còn thơ khi sống ở bên Lào. Có thiên tư thông minh từ nhỏ, thầy chịu khó học hỏi kinh luận, được các vị sư Lào rất quý mến nể phục. Sau, thầy được đưa về Huế cùng tu học với chư tăng người Việt và sớm nổi tiếng là một vị sư trẻ, có kiến thức siêu việt, rồi là một vị giáo sư cột trụ của Đại Học Vạn Hạnh ở Sài Gòn. Tuệ Sỹ là tác giả của rất nhiều tác phẩm tham luận về triết học, Phật học, dịch học, và đã phiên dịch hoặc trứ tác các luận đề về triết học rất uyên áo của Phật giáo. Tên Tuệ Sỹ là do thầy tự chọn, từ tên của Thiền sư Tuệ Trung Thiệnsĩ đời Trần. Đối với giới nghiên cứu Phật Giáo Việt Nam, Tuệ Sỹ là một trong những bộ óc uyên bác nhất của thời đại này. Năm 1963, Tuệ Sỹ bị Cộng Sản cải tạo ba năm vì tội kêu gọi tự do tôn giáo. Năm 1984 thầy bị bắt giam lại bốn năm, mãi tới tháng Chín 1988 mới được đưa ra tòa lãnh án tử hình về tội “có âm mưu lật đổ chế độ”. Dưới áp lực của quốc tế, án tử hình sau đó được giảm xuống 20 năm cấm cố. Mười năm sau, 1998, thầy được thả nhưng cho tới nay vẫn bị canh chừng khá chặt chẽ trong chùa Già Lam tại Sài Gòn.

Hết bài Tiểu sử.

Đây là nguyên văn bài tiểu sử thầy Tuệ Sĩ đăng trên báo Viet Tide, số báo đã dẫn. Tôi, người viết ở Rừng Phong lòng vòng Hoa Thịnh Đốn – đã Hoa Thịnh Đốn mà còn là Hoa Thịnh Đốn Đi Xi – vì đã sống đến hai mươi năm trong lòng Sài Gòn đầy cờ đỏ, sao vàng, vì có được sống mấy năm trong Thánh Thất Chí Hòa, và Trại Lao Cải Z 30 A, cùng thời gian với các vị trong Tổ Chức Già Lam chống cộng sản, nên mạo muội tự cho phép mình được góp ý trong câu: “.. án tử hình sau đó được giảm xuống 20 năm cấm cố.” Không phải “20 năm cấm cố” mà là “20 năm khổ sai.” Sau 4 năm bị giam cứu ở Nhà Tù Số 4 Phan Đăng Lưu, Lầu Bát Giác Chí Hòa – năm 1988

– các vị Già Lam Đức Nhuận, Tuệ Sĩ Phạm Văn Thương, Trí Siêu Lê Mạnh Thát, cùng nhiều vị khác, ra tòa lãnh án rồi bị Việt Cộng đưa lên Trại Lao Cải Z 30 A ở Xuân Lộc, Đồng Nai, để cuốc đất; các vị không bị tù cầm cố mút chỉ trong phòng tù ở Nhà Tù Chí Hòa. Năm 1990 người tù Tuệ Sĩ Phạm Văn Thương bị chuyển từ Trại Lao Cải Z 30 A ra trại tù khổ sai Xuân Phước ở miền Trung.

Mở đầu bài “Văn Minh Tiểu Phẩm”, Thầy Tuệ Sĩ viết:

“Đã có người hỏi tôi câu hỏi này mà tôi không trả lời được:”Nói dân tộc Việt Nam có bốn nghìn năm văn hiến. Nhưng có thấy cái gì đâu!

“Không phải vì tôi hoàn toàn không có gì mang ra làm bằng chứng để trả lời. Nhưng tôi biết rõ những cái tôi mang ra, người hỏi ấy chẳng đọc được, và do vậy, cũng chẳng hiểu được. Một thế hệ mất gốc. Đoạn tuyệt với quá khứ của cha ông.

“Không phải chỉ một thế hệ, mà nhiều thế hệ”.

Mới đọc mấy dòng trên thôi tôi đã thấy lạnh lạnh nơi xương sống. Tôi nghĩ: Bỏ mẹ rồi. Không biết mình có ở trong số người Việt bị Thầy gọi là “bọn mất gốc” đó không? Thế rồi tôi bèn đọc tiếp với hy vọng được Thầy giảng rõ hơn về chuyện người Việt là người “như thế nào là mất gốc, như thế nào là đoạn tuyệt với quá khứ của cha ông..” Và đây là lời Thầy giảng về chuyện đó:

**Văn Minh Tiểu Phẩm.** Tuệ Sĩ.

“Ông Giáo sư văn chương này có bằng cấp Tiến sĩ văn chương của nước Đại Pháp; hoàn toàn không biết chữ Hán. Chữ Nôm do đó cũng không biết. Quan điểm của ông một phần do hạn chế của ngôn ngữ, một phần nữa do tác động chính trị bên ngoài. Chính hai yếu tố tác động này đã khiến cho nhiều trí thức Việt Nam bị bứt khỏi gốc rễ truyền thống.

“Nhiều người trong số họ không hiểu biết gì về tâm tình yêu nước Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, hay Nguyễn Du; những ưu tư của kẻ sĩ mà chữ Hán nói là “ưu thời, mẫn thế” (Lại cũng thành ngữ Hán!) Họ cũng không đủ tầm nhìn để đánh giá sự nghiệp của Lê Quý Đôn, Phan Huy Chú; cũng không thể hiểu được một phần nhỏ Ngô Thời Nhiệm đã mơ ước những gì cho đất nước, cho dân tộc, khi quyết định đi phò tá Nguyễn Huệ để bị nho sĩ Bắc Hà bấy giờ chê trách là “lừa Thầy, phản bạn”. Đơn giản, vì họ không có khả năng đi thẳng vào thơ văn của tiền nhân mà không cần thông qua một trung gian nào. Những hiểu biết thông qua các bản dịch có giới hạn của nó. Như một dịch giả Phạn-Hán nổi tiếng ở Trung Hoa nhận xét: “Đọc tác phẩm qua bản dịch, chẳng khác nào ăn cơm do kẻ khác nhai hộ rồi nhả ra. Chẳng những vô vị, mà đôi khi còn kinh tởm”.

Đọc Thầy đến đoạn này tôi không buồn năm phút mà là buồn mười lăm phút. Bỏ mẹ thật rồi, từ ngày nào mình vẫn hiu hiu tự đắc mình là thằng dân Việt không mất gốc, mình vẫn khinh những anh Tây Con, Mỹ Con là bọn mất gốc, nay được Tôn sư chỉ dạy, mình mới biết té ra mình cũng mất gốc như ai. Cứ như tiêu chuẩn Thầy Tuệ Sĩ đưa ra là những kẻ “không có khả năng đi thẳng vào thơ văn của tiền nhân mà không cần qua một trung gian nào”, những kẻ “không biết chữ Hán. Chữ Nôm do đó cũng không biết” nên “bị bứt khỏi gốc rễ truyền thống” là những anh người Việt mất gốc, tức không còn là người Việt nữa. Mình không biết chữ Hán, mình không biết chữ Nôm, mình không đi thẳng vào thơ văn của tiền nhân được, mình có đọc thơ văn của các ông Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Du, Lê Quý Đôn, Phan Huy Chú, Ngô Thời Nhiệm nhưng mình đọc toàn những bản dịch không hà. Tức là mình đã hân hoan, hồi hả ăn những thứ người ta mửa ra. Tệ hơn nữa là có khi mình ăn những thứ do hai người mửa ra, như một ông dịch – coi như ăn – bản kinh tiếng Phạn, ông mửa bản kinh tiếng Hán ra, một ông ăn bản kinh tiếng Hán đó, mửa ra bản kinh tiếng Việt, mình ăn bản kinh tiếng Việt là mình ăn cái thứ do hai ông ăn

vào, mưa ra. Nhưng mà, không biết bạn nghĩ sao, tôi vẫn cảm ơn những ông ăn văn chương, triết lý vào rồi mưa ra cho tôi ăn. Nhờ công ơn ăn vào, mưa ra của các ông tôi mới biết được tí mùi văn chương, triết lý. Tôi chỉ không ưa những ông ăn của người ta vào rồi giữ rịt, không mưa ra cái gì cho những người khác ăn để gọi là trả ơn những người đã cho máy ông ăn.

Ông Giáo sư văn chương có bằng cấp Tiến sĩ văn chương của nước Đại Pháp, hoàn toàn không biết chữ Hán. Chữ Nôm do đó cũng không biết, nên bị bứt khỏi gốc rễ truyền thống của dân tộc..! Và bị bứt khỏi như thế ông ta là người Việt mất gốc.! Như vậy phải chăng kẻ ngu này là tôi có thể hiểu ông Giáo sư văn chương có bằng cấp Tiến sĩ của nước Đại Tàu,” thông hiểu chữ Hán. Chữ Nôm do đó cũng biết..” là người Việt còn dính với gốc rễ của dân tộc, do đó là người Việt không mất gốc. Nếu cứ xét lý lịch những anh dân Việt Nam theo tiêu chuẩn “thông hiểu chữ Hán, biết chữ Nôm” và “mù tịt chữ Hán, mù tịt chữ Nôm” để quyết định xem anh là dân Việt còn gốc hay anh là dân Việt mất gốc thì tôi – mừng hóm vì tôi có thể rung đùi ngâm Thơ của ông Thanh Tâm Tuyền, xin phép phóng tác tí ti cho hợp thời, hợp cảnh: *“Tôi không bao giờ cô độc..”* – tôi có thể quả quyết rằng trong 80.000. 000, tức 80 triệu công dân Việt Nam hiện nay, năm 2003 Thế kỷ Hai Mươi Một – sống lúc nhúc trên giải đất Hình Chữ S, chưa kể 5 triệu anh chị sống lưu vong ở khắp các nước trên thế giới, ít nhất phải có tới 79.999.900 anh chị là người Việt mất gốc. Các anh chị là người Việt mất gốc vì các anh chị *“không biết chữ Hán, không biết chữ Nôm, không đi thẳng vào văn thơ của tiên nhân được”*, nhiều anh chị còn mù tịt không biết những ông Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Phan Huy Chú, Ngô Thời Nhiệm là ai, sống hồi nào, làm ký gì, nói gì đến chuyện các anh chị biết về văn thơ và tâm tình yêu nước của mấy ông tiên nhân ấy!

*“Một thế hệ mất gốc. Đoạn tuyệt với quá khứ của cha ông. Không phải một thế hệ, mà nhiều thế hệ.”* Nhiều thế hệ mất gốc..! Lời văn tham luận cho tôi thấy cả một trời bi đát. Đúng là “Việt Nam bi thảm Đông Dương!” Một thế hệ mất gốc là tất cả những thế hệ kế tiếp mất gốc. Làm gì có chuyện thế hệ này mất gốc, thế hệ sau mọc gốc nên có gốc, còn gốc, thế hệ sau nữa lại mất gốc! Than ôi.. Như lời Thầy phán thì bi giờ, năm 2003, 99 phần trăm người Việt đã bị mất gốc, đã là người Việt mất gốc rồi sao? Bi giờ chỉ có những người Việt biết chữ Hán, biết chữ Nôm, đọc và hiểu được những bài thơ văn viết bằng chữ Hán, chữ Nôm, những người không bị đoạn tuyệt với quá khứ của cha ông, mới là người Việt chân chính, là người Việt còn gốc, như Thầy Tuệ Sỹ. Còn tất cả đều là bọn mất gốc?

Đau thật. Chỉ vì mình ra đời khi ông cha mình đã bỏ văn hóa, văn minh của nước Đại Tàu để theo văn hóa, văn minh của nước Đại Pháp, nên mình không được học chữ Đại Tàu, nên mình phải học cái chữ quốc ngữ a, bê, xê..., nên mình trở thành anh dân Việt mất gốc. Nhưng mà, vì không được cơ duyên may mắn tu đạo giải thoát ngay từ nhỏ, vì con người tôi còn nặng những tham, sân, si, vì tôi đau tui khi tôi thấy tôi bị gọi là thằng mất gốc, nên tôi nghĩ:

– Nếu đeo cái bảng “Mất Gốc” lên ngực tôi thì oan tôi quá. Tôi không biết chữ Hán, chữ Nôm là vì khi tôi ra đời ông cha tôi đã không còn dùng hai thứ chữ ấy từ lâu rồi. Còn về chuyện biết hay không biết văn chương, ý chí của những ông Nguyễn Trãi, Ngô Thời Nhiệm ..vv.. thì tôi tuy dốt nát, tôi cũng có biết đĩ chứ? Biết tí chút cũng là biết. Tôi biết ông Nguyễn Trãi là người yêu nước, người có tài văn chương, tôi biết bài Bình Ngô Đại Cáo của ông là áng văn tuyệt tác trong văn chương nước tôi, ít nhất tôi cũng nhớ được hai câu Bình Ngô Đại Cáo *“.. Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn, dìm con đỏ dưới hầm tai vạ..”* Tất nhiên hai câu trên là do một ông ăn tiếng Hán vào, mưa ra tiếng Việt cho tôi ăn, nhưng dốt nát, vô phúc không được học chữ nước Đại Tàu thì phải ăn cái người ta mưa ra chứ sao.

Về ông Nguyễn Bình Khiêm thì thưa tôi còn trẻ không nói gì, từ năm tôi tuổi đời sáu bó lè mấy que, tôi bị sóng đời vùi dập bầy nổi, mười chìm, tôi bị roi đời quất lên mặt, mặt tôi in hằn những vết roi đời, tôi lằm cẩm nghĩ hình như người nước tôi ca tụng ông Trọng Trinh hơi quá đáng. Trong thơ của ông tôi thấy những quan niệm về cuộc sống nhàn nhã, về lẽ tử sinh, về tình người ấm lạnh ..vv.. là những gì các ông Đại Nho Sĩ nước Đại Tàu Lão Tử, Trang Châu, Đào Tiềm đã nói từ khươn mười niên xưa. Lại nữa ông già Việt Nam nào mà không biết “Già vô sự, ấy là tiên..” Chỉ có điều ai cũng biết nhưng ít người đưa vào thơ, không phải trước ông Nguyễn Bình Khiêm không ai biết những chuyện ấy và ông Nguyễn Bình Khiêm là người phát hiện ra những chân lý ấy. Tôi còn thắc mắc chuyện nếu ông Trọng Trinh là người biết những việc sẽ xảy ra cả mấy trăm năm sau tại sao trong những câu Sấm của ông tôi không thấy ông nói xa, nói gần, nói bóng, nói gió gì về nạn đói năm Ất Dậu 1945 làm đồng bào ông chết đói đầy đồng, đầy đường, đầy chợ, cũng không thấy ông nói gì đến cảnh người dân nước ông đánh giết nhau khủng khiếp – ghê rợn, ác liệt, tàn nhẫn nhất kể từ ngày các Vua Hùng dựng nước – trong đến cả năm mươi năm. Hai câu Sấm, nếu thật là của ông, nếu không phải do người đời sau làm và gán cho ông. ” Mã đề, dương cước anh hùng tận. Thân, Dậu niên lại kiến thái bình..” là ông nói tiên tri về số phận nhân dân các nước Âu Mỹ, không phải là ông tiên báo vận mệnh của dân tộc ông, dân tộc Việt Nam khốn khổ, khốn nạn. Thân, Dậu niên lai.. dân Việt Nam không kiến thái bình mà đến những năm ấy dân Việt Nam bị đẩy vào cuộc chết đói thê thảm nhất trong lịch sử dân tộc, vào cuộc chiến tranh tương tàn cũng ác liệt nhất lịch sử dân tộc! Nếu ông không biết những tai họa tày trời ấy sẽ đến với dân tộc ông, ông tiên tri, tiên tri ký gì? Những chuyện “Cha con thằng Khả, đánh ngã bia tao. Làng xóm lao xao, bắt đèn tam quán..” và “Minh Mạng thập tứ, Thăng Trứ phá đền..”..vv.. là những chuyện người đời sau bày đặt ly kỳ hoá tài năng của ông. Kể cả chuyện “Hoành Sơn nhất đại, vạn đại dung thân” tôi nghi cũng do người đời sau ngụ tạo gán cho ông.

Ông Nguyễn Bình Khiêm còn được ca tụng là người Việt thông hiểu, thâm hiểu Kinh Dịch nhất Việt Nam. Nhưng việc ông thâm hiểu Kinh Dịch có lợi ích cho quốc gia, cho dân tộc ông không? Tôi thấy nó cũng chẳng đem lợi ích gì đến cho bản thân ông. Ông cũng sống như mọi người thôi, chẳng có gì khác. Ông làm thơ ca tụng sự nhàn tản: “Ta đại ta tìm nơi vắng vẻ. Người khôn người đến chốn lao xao... Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao..” nhưng chính ông, ông không sống nhiều trong cảnh nhàn tản ấy. Ông ba lần ra làm quan. Thơ ông “Điểm kiểm hành niên thất thập tam. Huyền xa sai vãn dã ưng tầm: Đếm tuổi mình đã bảy mươi ba. Treo xe hơi muộn cũng nên thẹn..” cho tôi thấy năm 73 tuổi ông vẫn đeo đẳng quan trường, ông được cái sống thọ: 93 tuổi mới tịch.

Và cái gọi là Dịch, theo ý ngu của tôi, có lợi gì cho con người? Người Âu Mỹ có Dịch, có Dzéo gì đâu, họ vẫn kiến tạo được những tổ chức xã hội tương đối rất tốt, ít nhất tổ chức xã hội các nước Âu Mỹ cũng tốt hơn tổ chức xã hội của nước Đại Tàu. Nước Đại Tàu là nước có Kinh Dịch từ ngàn xưa, nhưng nước Đại Tàu hiện nay vẫn là một trong những nước chậm tiến, nghèo đói nhất thế giới!

Bốn ngàn năm văn hiến! Dân ta không có chữ viết, phải viết nhờ chữ Đại Tàu. Đến Thế kỷ 13, đời Vua Trần Thái Tông, nước ta mới có sử: Hàn Lâm Học Sĩ Lê Văn Hưu soạn Đại Việt Sử Ký, bộ Sử thứ nhất của nước ta. Như vậy ta nên khiêm tốn mà xưng đúng ta có “một ngàn năm văn hiến”. Võ ngược huênh hoang “bốn ngàn năm văn hiến” có phách lối quá không? Có ích gì không hay chỉ nói cho sướng cái lỗ miệng? Tự xưng ta có “bốn ngàn năm văn hiến” mà ba ngàn năm ta không có sách sử gì lưu truyền, có ai thấy là ta lố bịch không? Lại nữa, năm tôi mười tuổi, tôi đã nghe câu “bốn ngàn năm văn hiến”, năm nay tôi bảy mươi, tôi vẫn nghe câu “bốn

ngàn năm văn hiến..!” Không lẽ số tuổi “văn hiến” của dân ta đứng lại ở con số “bốn ngàn”? Năm, bảy ngàn năm nữa những người Việt đến sau tôi cứ tự xưng dân tộc Việt có “bốn ngàn năm văn hiến?”

Về ông Ngô Thời Nhiệm, tôi có đọc thơ văn của ông chứ. Thơ văn của ông Ngô viết bằng chữ Đại Tầu, có người ăn rồi mửa ra cho tôi ăn, tất nhiên, nhưng tôi nghĩ tôi vẫn khá hơn những anh không bao giờ ăn cái thứ văn thơ nôn mửa ấy – “văn chương nôn mửa” theo lời Thầy Tuệ Sĩ – mười tám, hai mươi năm trước có đêm buồn trong căn gác nhỏ ở khu Ngã Ba Ông Tạ, Sài Gòn, tôi nằm đọc Thơ Ngô Thời Nhiệm, tôi gặp bài thơ ông viết về Công Chúa Huyền Trân. Tôi từng viết là các ông nhà thơ ta khi mần thơ về thân phận những người đàn bà phải bỏ nước mình đi lấy chồng ngoại nhân ở nước khác chỉ thương xót, chỉ ngậm vịnh về người đẹp Chiêu Quân của nước Đại Tầu, chỉ có hai ông Ngô Thời Nhiệm, Nguyễn Bính là làm thơ về Công Chúa Huyền Trân của nước Tiểu Việt.

*Đừng về Chiêm Quốc nhé Huyền Trân!*

*Ta viết thư này gửi cố nhân.*

*Năm mới, tháng Giêng, Mừng Nột Tết,*

*Còn nguyên vẹn cả một mùa Xuân!*

Đây là Thơ ông Nguyễn Bính, đây là thơ ông Ngô Thời Nhiệm, người có tên đường ở thủ đô Sài Gòn, về Công Chúa Huyền Trân. Thơ do tôi dịch năm xưa ở Sài Gòn. Rất tiếc tôi không mang theo tôi sang Mỹ nguyên bản bài thơ chữ Hán của ông Ngô Thời Nhiệm:

*Huyền Trân khóc hết lệ u sầu*

*Trên mai thành tiếng mưa đêm sâu.*

*Nước nhà tình bạc, thù son phấn,*

*Chồng ngu số vắng, tủi mình châu.*

*Ngàn dặm giai nhân sầu kiếp trước,*

*Hai châu lễ vật đẹp đời sau.*

*Oán hờn theo ngọn triều lên xuống,*

*Mưa đêm than lạnh bến sông đầu.*

Ông Ngô Thời Nhiệm có lòng yêu nước, thương dân, ông mơ ước nhiều điều tốt đẹp cho đất nước, cho dân tộc. Tốt thôi. Nhưng, theo ý ngu của tôi, tôi tưởng điều đáng quý là người ta làm được gì tốt đẹp cho dân tộc, cho đất nước, không phải chỉ là những mơ ước suông. Mơ ước làm tốt cho dân tộc, làm đẹp cho đất nước thì nhiều người mơ ước lắm, hèn ngu như tôi tôi cũng mơ ước dân tộc tôi hùng cường, văn minh, no ấm, dân tôi được người nước khác kính trọng. Nhưng chúng tôi coi có ích, có công là những văn quan, võ tướng như các ông Trương Minh Giảng, Nguyễn Văn Thoại, các ông từng có công mở mang bờ cõi miền Nam cho chúng tôi, con cháu của các ông, có đất sống, ông Nguyễn Công Trứ có công khai thác vùng biển Kim Sơn, Tiền Hải. Chúng tôi mang ơn, chúng tôi quý trọng những ông ấy.

Thầy Tuệ Sĩ tham luận về chữ Quốc ngữ:

“Cái gọi là chữ quốc ngữ, rất tiện lợi cho việc phổ cập đại chúng những tin tức cần biết tức thời. Chỉ trong giới hạn này mà thôi. Văn chương triết học, và cả đến khoa học, ký tự La-tinh không nhất thiết là hữu hiệu hơn các loại ký tự khác.

...

Nước Việt Nam chấp nhận ký tự La-tinh như là công cụ chính thức để chuyển tải tư tưởng và kiến thức, và cũng thường rất tự hào về loại hình ký tự phổ thông và hữu hiệu này giúp người Việt nhanh chóng hội nhập nền văn minh kỹ thuật khoa học phương Tây, song lịch sử gần đây thôi đã chứng tỏ không phải vì vậy mà Việt Nam tiến bộ hơn Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc hay Thái Lan. Thế thì sự tiện lợi hay

không tiện lợi của loại hình ký tự không phải là yếu tố quyết định trong chức năng truyền đạt, và lại càng không phải là yếu tố quyết định cho tiến bộ văn minh.

Đoạn trên đây làm tôi muốn thưa với Thầy Tuệ Sĩ: Bạch Thầy.. Cái gọi là chữ quốc ngữ ấy, lại theo ý ngu của tôi, xin Thầy hãy xả tha cho cái ngu muội, dốt nát của tôi, nếu nó không khá lắm thì nó cũng không tồi lắm; chính Thầy cũng nhận cái gọi là chữ quốc ngữ đó nó “giúp người Việt nhanh chóng hội nhập nền văn minh khoa học phương Tây”. Vậy thì thưa Thầy, nó như thế chúng tôi còn đòi hỏi gì hơn ở nó nữa? Hay, dở cho nước, cho dân, là do bọn chúng tôi dùng nó ra sao, không phải là ở nó, tại nó. Tự thân cái gọi là chữ quốc ngữ nó không ngăn cản chúng tôi tiến lên văn minh. Chúng tôi không có lý do gì để khinh ghét nó, thù hận nó, ruồng bỏ nó. Xem như nước Đại Tàu có cái gọi là chữ Hán cao thâm, uyên áo là thế, thứ chữ tốt nhất thế giới, mà dân Đại Tàu có hơn gì dân những nước không may mắn được dùng chữ Hán đâu. Không những đời sống dân Đại Tàu không bằng ai, mà còn thua xa thiên hạ. Năm 1988 ở Lầu Bát Giác Chí Hòa tôi đọc trong tờ Tuổi Trẻ thấy bài báo của một ông Đại Tàu tìm tự do sống ở Paris, nước Đại Pháp, viết trong có câu “*Sau ba mươi năm thực hiện chủ nghĩa xã hội ở Trung Hoa, đời sống của nhân dân Trung Hoa khổ như chó.*” Còn nếu đem tình trạng nước Việt Nam chậm tiến, đói khổ, như nhuốc ra so sánh với tình trạng những nước văn minh, giàu mạnh Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan mà đổ lỗi cho chữ quốc ngữ thì kính Thầy, tôi nghĩ oan cho nó quá. Nước Việt Nam của tôi đói nghèo, chậm tiến, người dân nước tôi ngu si, dốt nát, là vì dân tộc tôi không may mắn, vì dân tộc tôi bị người Pháp đô hộ, bóc lột, kìm hãm trong một trăm năm; đến năm 1945 mấy nước kia được độc lập, được sống thanh bình để xây dựng đất nước của họ thì nước tôi bị tai họa chiến tranh, không phải chiến tranh vài ba năm như chiến tranh Quốc Cộng ở nước Đại Tàu, như chiến tranh Đại Mỹ-Đại Tàu ở Hàn Quốc, mà là chiến tranh Bắc Việt Cộng sản-Nam Việt Tự Do kéo dài trong năm mươi năm. Trong lúc người ta tiến, chúng tôi ở tại chỗ, chúng tôi đánh giết nhau tận tình. Đánh giết nhau dai dẳng, khốc liệt như thế chúng tôi đâu còn sức lực, đầu óc, thì giờ, tiền của mà xây dựng đất nước, mà học hỏi, mà sáng tạo. Thầy mắng thì chúng tôi phải nghe, phải chịu thôi. Chúng tôi ngu si, nghèo đói là lẽ tất nhiên. Lẽ ra Thầy nên thương hại chúng tôi mới phải. Thầy sánh nước tôi với hai nước Hàn, Thái thì được, Thầy so nước tôi với Nhật Bản thì nước Nhật hạ chúng tôi đít dzê-rô. Nhật Bản độc lập mấy nghìn năm, văn minh, hùng cường từ thế kỷ 18. Nước tôi so với nước Nhật thế nào được!

Kính Thầy. Thầy viết: “Người học chữ Hán cho đến một trình độ nào đó sẽ thấy rằng chữ *Uất* gồm 29 nét không phải là khó nhớ hơn chữ *Nhất* một nét.” Thầy đã hạ bút là phải đúng, tôi chỉ théc méc vì Thầy không viết rõ cho chúng tôi biết để đạt được cái mà thầy gọi mơ hồ là “một trình độ nào đó” người ta phải học chữ Hán mất bao nhiêu năm. Ngu si như đại đa số chúng sinh thì mất mấy chục năm, thông tuệ như Thầy thì mấy tháng? Vấn đề là người ta phải mất bao nhiêu năm tháng trong cuộc đời năm sáu chục năm của người ta, người ta phải tiêu thụ bao nhiêu ký lô cơm gạo do người khác trần lưng, cong lưng, đổ mồ hôi, sôi máu mất cây bừa, để học và để đến được cái trình độ thấy chữ “Uất” 29 nét cũng dễ nhớ như chữ “Nhất” một nét. Nghe Thầy, tôi nghĩ đến ông Tiến Sĩ Vật Lý nào đó nói câu: “Đến một trình độ nào đó người ta sẽ thấy Thuyết Tương Đối của Einstein chẳng có gì khó hiểu cả..” Dân ngu chúng tôi xin kính cẩn mà chào thua.

**Văn Minh Tiểu Phẩm.** Tuệ Sĩ.

“Nói rằng chữ Nôm phức tạp cho nên không tiện lợi để phổ biến cho bằng chữ Latinh, điều này chỉ đúng cho những người mà não trạng đã quen với tập tính lười biếng. Có điều, hình như đại bộ phận trí thức của ta, từ mặc cảm tự ti, bị trị, của một

dân tộc nhược tiểu, muốn nhanh chóng rút ngắn con đường giải phóng và cách mạng, để bắt kịp nền văn minh vật chất hào nhoáng từ phương Tây rơi sang. Từ đó phát sinh ngày càng lộ liễu tập tính lười biếng, chỉ cần bắt chước những gì được coi là chuẩn mực của văn minh, không cần đến tư duy sáng tạo, điều mà tiền nhân của chúng ta đã không ngừng trong suốt chiều dài của lịch sử để tự tồn, bên cạnh một thiên triều luôn nghĩ cách thôn tính và đồng hóa. Do đó, người ta không nhìn thấy tính sáng tạo của dân tộc trong quá trình hình thành chữ Nôm, trong cách cấu tạo tự hình trong đó hàm tàng những cái nhìn về nhân sinh và thế giới. Chữ Nôm bị kết tội là làm chậm bước phát triển của dân tộc, cho nên cần phải thay thế bằng chữ viết khác.

Tập tính lười biếng, chuyên môn bắt chước..! Một lần nữa Thầy mắng thì phải nghe thôi. Nhưng mà tội nghiệp thì thôi, chúng tôi quả có ngu dốt và lười biếng nhưng còn việc bắt chước thì chúng bị bắt buộc phải bắt chước. Chỉ trong năm mươi năm sau năm 1950 người ta sáng chế ra nhiều thứ hơn cả trong hai ngàn năm, chỉ riêng về cơ khí phổ thông thôi chúng tôi học cách xử dụng những bộ máy của người ta cũng đã lướt mề hôi, nói gì đến việc sáng chế. Dân nước tôi hiện 80 triệu người mà 75 triệu người chưa từng một lần được đi máy bay, chưa từng một lần lên thang máy, chưa từng một lần dùng tê-lê-phôn, chưa từng một lần sờ tay lên cái phím máy computer, chưa bao giờ được ở nhà có máy điều hòa không khí.. Chúng tôi bị bỏ xa quá nên chúng tôi chạy bờ hơi tai mà vẫn không theo kịp người thiên hạ. Cứ cái đà này chúng tôi sợ có ngày người thiên hạ bỏ đi sang sống ở những vùng trời đầu-xuất khác, dân tộc tôi vẫn cứ còm ròm sống trên trái đất này chờ đợi cùng chết với trái đất khi vàng mặt trời hết ánh sáng. Mà mặt trời nó sắp hết nhiên liệu đến nơi rồi, có phải thế không Thầy? Hết nhiên liệu là nó không phát ra ánh sáng nữa. Không có ánh sáng, Thái Dương Hệ sẽ chết. Chỉ còn một triệu năm nữa thôi. Tây nó nói thế tôi không biết có đúng không. Tôi chắc họ nói đúng, vì tình trạng sinh tử đó hợp với công thức “thành, trụ, hoại, không” mà Thầy.

Bạch Thầy.. Hình như ông cha tôi không hề kết tội chữ Nôm làm chậm bước phát triển của dân tộc, theo sự hiểu biết ngu dốt của tôi thì chưa bao giờ chữ Nôm được dùng phổ cập ở nước tôi, được coi là thứ chữ viết chính thức của toàn dân nước tôi, được nhà nước dùng làm thứ chữ chính thức đem dạy cho dân. Vì chữ Nôm khó dùng nên mấy ông linh mục Gia Tô mới phải chế ra một thứ chữ ghi âm tiếng Việt theo mẫu tự La-tinh để truyền bá đạo giáo của mấy ông, nếu chữ Nôm tiện dụng tôi chắc mấy ông ấy đã dùng chữ Nôm để truyền đạo, như mấy ông đã dùng chữ Đại Tàu, chữ Lào, chữ Miên vậy. Nghe Thầy dạy tôi thấy tiếc quá: phải chi ông cha tôi dùng chữ Nôm, hay chữ Đại Tàu, chắc thân phận anh em chúng tôi ngày nay không đến nỗi khốn khổ, khốn nạn, nhục nhã như thế này.

**Văn Minh Tiểu Phẩm.** Tuệ Sỹ.

“Văn chương chữ Hán, không phải là văn học Việt Nam. Những sáng tác bằng chữ Hán không được kể vào văn học Việt Nam. Các bản văn nổi tiếng một thời đã từng làm nức lòng dân Việt, quyết đem xương máu giữ gìn non sông, những bản văn ấy không được kể vào văn học Việt Nam, bài thơ Nam Quốc của Lý Thường Kiệt, Hịch Tướng Sĩ của Trần Hưng Đạo, Bình Ngô Đại Cáo của Nguyễn Trãi. Chúng không thuộc vào văn học Việt Nam”.

Thầy ơi.. Xin Thầy thương. Có bao giờ chúng tôi coi những bản văn Thầy kể đó không phải là văn học Việt Nam đâu! Chúng tôi vẫn quý báu, vẫn tự hào, vẫn ôm giữ những quốc bảo đó của chúng tôi. Thầy cứ mở bất cứ quyển quốc văn giáo khoa thư nào của chúng tôi Thầy cũng thấy những bản văn đó nằm ở những trang trang trọng nhất, với những lời đề cao kính trọng nhất. Anh nào nói Hịch Tướng Sĩ, Bình

Ngô Đại Cáo không phải là văn học Việt Nam chúng tôi cho là anh cà chớn. Là văn học của chúng tôi chứ, đó là văn chương của chúng tôi viết bằng chữ Hán. Chúng tôi có thể coi những bản văn do những người Việt Nam viết bằng tiếng Pháp, tiếng Mỹ hiện nay không phải là văn chương Việt Nam nhưng chúng tôi coi văn chương của ông cha chúng tôi viết bằng Hán văn ngày xưa là văn Việt Nam vì thời xưa ấy ông cha chúng tôi chỉ có Hán văn để viết. Hai tình hình ấy khác nhau. Thời xưa ấy khác, thời nay khác.

Hai tờ báo nhiều quảng cáo ở Cali là tờ Người Việt, tờ Việt Tide, đều đăng bài tham luận của Thầy Tuệ Sỹ dưới đề tựa “*Văn Minh Tiểu Phẩm*”. Cả hai tờ báo nhiều quảng cáo cùng dùng tiêu đề ấy thì chắc tiêu đề phải do tác giả đặt, hay một vị có thẩm quyền trong giáo hội đặt, không phải do nhà báo tự đặt. Bẩm chất ngu dốt tôi không hiểu “văn minh tiểu phẩm” là thứ văn minh gì? Nếu có “văn minh tiểu phẩm” thì có “văn minh trung phẩm, văn minh đại phẩm” không? Hai tiếng “tiểu phẩm” gọi cho tôi nhớ đến những tiếng “tiểu” như tiểu nhân, tiểu tốt, tiểu xảo, tiểu kỹ, tiểu thiếp..., những tiếng “tiểu” không đẹp gì. Nhưng đó là tại tôi tiểu nhân nên tôi nghĩ bậy, chữ Thầy đã dùng cho bài tham luận của Thầy chắc phải có ý nghĩa gì uyên áo. Tại tôi ngu độn nên tôi không hiểu đó thôi. Lỗi tại tôi, lỗi tại tôi, lỗi tại tôi mọi đảng! Trở lại chuyện “còn gốc, mất gốc”, tôi vẫn mơ nghĩ nếu tôi dùng tiêu chuẩn ấy để xét lý lịch còn gốc hay mất gốc của người Việt Nam, chẳng hạn như gặp người ta, tôi chỉ mặt, hỏi:

– Anh biết gì về mộng ước cho đất nước, cho dân tộc của ông Ngô Thời Nhiệm? Nói tôi nghe! Anh không biết? Anh là thằng mất gốc!

Người ta sẽ bảo tôi là thằng điên. Nếu tôi điên mà tôi chỉ nói làm nhảm, người ta thương hại mà bỏ qua, nhưng nếu tôi điên mà tôi bảo người ta là thằng mất gốc, người ta đánh tôi học máu.

\*\*\*

Tôi viết bài này lúc 9 giờ sáng ngày Mừng Một Tết, bi giờ là 6 giờ tối, Rừng Phong đã chìm trong bóng mờ. Tôi nghĩ Thầy Tuệ Sỹ ở Chùa Già Lam, Sài Gòn, có khi rảnh rỗi sẽ đọc bài viết này của tôi, nếu đọc Thầy sẽ vui khi thấy bài tham luận của Thầy có người đọc ở tận phương trời xa và góp lời bàn luận. Thầy sẽ cười khi thấy đó là những lời bàn luận ngu đần. Việc gửi bài viết từ Hoa Kỳ về Sài Gòn bây giờ dễ thôi. Không cần thư từ, bưu điện, bưu đưng gì cả, không mất năm bảy ngày, chỉ cần nhấn mấy phím computer là xong ngay. Bài viết từ Mỹ về Sài Gòn không những chỉ về tới trong một chớp mắt mà có thể là trong một sát-na. Với hy vọng Thầy Tuệ Sỹ sẽ để mắt đến những dòng này tôi thưa riêng với Thầy chuyện riêng này giữa Thầy với tôi:

– Thưa Thầy, năm 1989 ở Trại Tù Khổ Sai Z 30 A, nhân dịp Tết, con tôi vẽ cho tôi bốn bức tứ bình mai, lan, cúc, trúc. Tôi treo bốn bức vẽ ấy ở phòng làm việc của Tù Nhân Linh mục Nguyễn Công Đoan. Thầy Tâm Lạc nói với tôi: “Anh Tuệ Sỹ xem mấy bức tranh của con bác, anh ấy lấy làm lạ tại sao một nét bút mà có hai ánh mực đậm nhạt khác nhau..”

Nếu hôm ấy Thầy Tâm Lạc nói “Anh Tuệ Sỹ muốn biết tại sao có thể làm trong một nét bút mà có hai ánh mực đậm nhạt khác nhau?” chắc tôi đã nói ngay cách làm. Nhưng hôm ấy nghe Thầy Tâm Lạc nói như thế tôi nghĩ quý Thầy muốn biết mà không chịu hỏi nên tôi không nói. Từ đó mỗi lần nhớ lại chuyện ấy, tôi vẫn áy náy vì tôi đã không nói. Rất có thể quý Thầy nghĩ rằng con tôi vẽ, tôi cũng không biết cách, nên quý Thầy chỉ nêu thắc mắc mà không hỏi.

Vậy hôm nay, liêu lạc xứ người, xa đất nước một biển lớn, nhân dịp này tôi xin thưa với Thầy: “Việc ấy dễ ợt. Ai học vẽ tranh thủy mặc cũng biết cái mách ấy. Thầy cầm bút vào mực, rồi Thầy chấm ngọn bút vào nước trong, khi Thầy kéo bút xuống một



vạch vẽ thân cây trúc, nửa ngọn bút nhạt mực, thường là bên trái thân trúc, nửa ngọn bút đậm mực, làm cho thân trúc có hai ánh mực khác nhau, như nửa bên trái của thân trúc có ánh sáng chiếu vào. Muốn làm cho nửa thân trúc bên phải như có ánh sáng, khác màu bên trái của thân trúc, Thầy dầm bút vào nước trong, rồi chỉ chấm mực vào đầu ngọn bút.

Thưa Thầy.. Từ nơi xứ người xa xôi, tôi xin gửi một chút tình về Thầy ở quê hương. Tôi có viết gì không phải, xin Thầy thương mà tha cho. Xin Thầy cho tôi gửi lời hỏi thăm Thầy Trí Siêu, Thầy Tâm Lạc. Tôi vẫn nhớ lắm quý Thầy và những ngày tôi được sống gần quý Thầy ở Nhà Tù Số 4 Phan Đăng Lưu, Thánh Thất Chí Hòa, Trại Lao Cải Z 30 A trên quê hương ta.

Xin chúc quý Thầy bền trụ trong chính pháp và thân tâm thường an lạc.

## Hoàng Hải Thủy

**Nguồn:** <https://hoanghaithuy.wordpress.com/2007/10/20/con-g%E1%BB%91c-m%E1%BA%A5t-g%E1%BB%91c/>

[www.vietnamvanhien.net](http://www.vietnamvanhien.net)